

Nghiên cứu tình huống

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ MANULIFE (B)

Sau khi trải qua giai đoạn căng thẳng do dịch bệnh Covid-19 gây ra vào năm 2021, chị Nguyễn Thị An quyết định tìm hiểu bảo hiểm nhân thọ thật nghiêm túc để có thể bảo vệ sức khỏe cho bản thân và ứng phó rủi ro trong trường hợp bệnh tật xảy ra trong tương lai.

Thông qua giới thiệu từ một người bạn, chị An được anh Tiến – chuyên viên bảo hiểm của Manulife tư vấn tham gia mua hợp đồng bảo hiểm với gói sản phẩm “Món quà tương lai.” Gói sản phẩm anh Tiến thiết kế cho chị An gồm quyền lợi bảo hiểm chính và quyền lợi bảo hiểm bổ trợ (xem Phụ lục 1). Kỳ hạn của hợp đồng bảo hiểm là 20 năm, mỗi năm chị An phải đóng 26.630.000 đồng. Trong đó, phí bảo hiểm sản phẩm chính là 20.000.000 đồng và phí bảo hiểm sản phẩm bổ trợ là 6.630.000 đồng (Xem thêm Phụ lục 1 & 2).

Theo tư vấn của anh Tiến, khoản phí mà chị An đóng sẽ được phân bổ theo các loại sau:

- 1) **Phí ban đầu:** có thể hiểu là khoản phí mà chị An chi trả cho công ty bảo hiểm để tham gia vào hợp đồng bảo hiểm. Mức phí ban đầu được tính theo tỷ lệ % phí bảo hiểm sản phẩm chính, lần lượt là 85%, 75% và 20% cho năm thứ 1, thứ 2 và thứ 3. Từ năm thứ 4 trở đi, khoản phí ban đầu là 0 đồng.
- 2) **Phí bảo hiểm rủi ro:** là khoản phí mà chị An chi trả mỗi tháng cho Manulife để được bảo hiểm cho các rủi ro liên quan đến sức khỏe. Khoản phí này được miễn trong năm hợp đồng đầu tiên.
- 3) **Phí quản lý hợp đồng** là khoản phí mà chị An phải trả hàng tháng để Manulife thực hiện việc quản lý, duy trì và cung cấp thông tin hợp đồng, phí quản lý hợp đồng được miễn trong năm đầu tiên.
- 4) **Phí quản lý quỹ:** do đây là sản phẩm bảo hiểm có liên kết đầu tư nên chị An phải trả phí quản lý cho quỹ liên kết mà tài khoản bảo hiểm của chị được phân bổ vào. Mức phí quản lý tùy thuộc vào quỹ được phân bổ, dao động từ 1,0%-2,5% trên giá trị tài sản ròng của quỹ.

Anh Tiến cũng lưu ý rằng các mức phí trên có thể tăng, nhưng sẽ không vượt quá mức phí tối đa theo quy định của Bộ Tài chính và sẽ được thông báo cho chị 03 tháng trước khi áp dụng mức phí mới. Ngoài ra, trong trường hợp chị An muốn huỷ bỏ hợp đồng

trước hạn, chị phải chịu phí phạt tính theo tỷ lệ % phí bảo hiểm mà chị đóng trừ đi phí bảo hiểm rủi ro. Trong ba năm đầu, phí huỷ hợp đồng rất cao, lần lượt là 90%, 80% và 70% cho năm thứ 1, thứ 2 và thứ 3. Tỷ lệ này giảm dần trong ba năm kế tiếp, lần lượt là 45%, 30% và 15% vào năm thứ 4, thứ 5 và thứ 6. Từ năm thứ 7 trở đi, chị An sẽ không chịu phí phạt nếu huỷ bỏ hợp đồng.

Về phía quyền lợi chị An được hưởng khi tham gia hợp đồng bảo hiểm, anh Tiến chia sẻ: “Đối với sản phẩm bảo hiểm chính chị sẽ nhận được quyền lợi thương tật do tai nạn, được Manulife chi trả tùy vào mức độ thương tật, mức chi trả tối đa là 2,5 tỷ đồng. Quyền lợi này sẽ chấm dứt khi chị được 70 tuổi.”

“Tham gia bảo hiểm có một điều tế nhị không ai muốn nhắc đến là rủi ro, không phải chúng ta không muốn thì rủi ro không đến. Giả sử, điều không may xảy ra, chẳng hạn như tử vong do tai nạn, gia đình chị An sẽ được công ty chi trả quyền lợi chu toàn hậu sự 30 triệu đồng ngay lập tức khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi tử vong. Đồng thời, nếu trường hợp của chị được giải quyết thông suốt thì mức chi trả sẽ được tính trên giá trị tối đa giữa giá trị tài khoản cơ bản và số tiền bảo hiểm cộng với giá trị tài khoản đóng thêm. Hơn nữa, vì là tử vong do tai nạn, gia đình chị sẽ nhận được thêm 2,5 tỷ đồng.”

Anh Tiến nói thêm: “Sự đồng hành của khách hàng rất quan trọng với công ty, vì vậy, chị An sẽ nhận được quyền lợi duy trì hợp đồng định kỳ, quyền lợi này được tính bằng 3,0% giá trị tài khoản cơ bản bình quân 3 năm gần nhất và được chi trả vào **cuối các năm hợp đồng thứ 3, 6, 9, 12, 15 và 18**, cộng vào giá trị tài khoản cơ bản. Hấp dẫn hơn là quyền lợi duy trì hợp đồng đặc biệt, sẽ được chi trả vào **cuối năm hợp đồng thứ 10, 15 và 20**, giá trị lớn hơn nhiều quyền lợi định kỳ do tính dựa trên 88% tổng phí bảo hiểm rủi ro trong các thời đoạn mà chị An đã duy trì hợp đồng.”

Ngoài ra, nếu chị An quyết định tham gia sản phẩm phụ là “Sống khoẻ mỗi ngày” với gói Vàng, chị sẽ được chi trả mức tối đa là 500 triệu đồng/năm đối với các chi phí y tế thực tế¹ khi điều trị nội trú. Nếu dự định có em bé trong thời gian tới, chị sẽ có được quyền lợi tối đa mỗi lần mang thai là 20 triệu đồng đối với sinh thường và 30 triệu đồng đối với sinh mổ.

Ngoài các quyền lợi liên quan đến sức khoẻ, hợp đồng bảo hiểm mà chị An tham gia là hợp đồng liên kết đầu tư, chị sẽ được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư cũng như chịu mọi rủi ro trong đầu tư khi chọn phân bổ phần phí còn lại² vào các quỹ liên kết. Hiện tại sản

¹ Bao gồm chi phí phòng, giường, vật lý trị liệu mỗi đợt điều trị, chi phí chăm sóc tại nhà, chi phí điều trị, chi phí xe cứu thương, v.v...

² Sau khi đã trừ đi phí ban đầu, phí bảo hiểm rủi ro và các loại phí khác

phẩm này có thể liên kết với một số quỹ liên kết đơn vị của Manulife như Bảo Toàn, Tích Lũy, Ổn Định, Cân Bằng, Tăng Trưởng, v.v.... Mức tỷ suất sinh lợi kép các quỹ này thực tế trong 3-5 năm gần nhất dao động từ 2,6-11,5%/năm. Để minh họa, anh Tiến đã đưa chị An tham khảo giá trị hợp đồng theo kịch bản tỷ suất sinh lợi thấp và cao theo thời gian. Theo hợp đồng minh họa thì 50% phần phí còn lại sẽ được đầu tư vào quỹ Cân Bằng và 50% sẽ được đầu tư vào quỹ Tăng Trưởng. Tỷ suất sinh lợi thấp nhất và cao nhất của quỹ Cân Bằng lần lượt là 2,4%/năm và 7,4%/năm, quỹ Tăng trưởng lần lượt là 1,3%/năm và 8,7%/năm. Chị An có thể chuyển đổi quỹ trong thời hạn hợp đồng nếu muốn và không bị tính phí.

Anh Tiến cũng lưu ý kết quả đầu tư trong bảng minh họa với điều kiện chị An duy trì hợp đồng bảo hiểm đến hết thời hạn của hợp đồng. Nếu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn hoặc khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, số tiền chị An thực nhận sẽ khác. Số tiền thực nhận sẽ được thể hiện ở mục giá trị hoàn lại của hợp đồng, cụ thể chị An chỉ nhận được giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm nếu có thời gian đóng phí từ 3 năm trở lên, dưới 3 năm sẽ không được hoàn lại. Ngoài ra, chị An có thể rút tiền từ tài khoản và Manulife sẽ không tính phí rút tiền, tuy nhiên, nếu rút tiền trước chị sẽ không được hưởng quyền lợi duy trì hợp đồng.

Về hình thức đóng phí, người mua bảo hiểm sẽ phải **thanh toán đầu kỳ**, tuy nhiên, chị An có thể chọn các hình thức đóng theo năm, nửa năm, quý hoặc tháng tùy thuộc vào việc cân đối dòng tiền thu nhập. Phương án đóng phí theo năm có thể giúp chị An tiết kiệm được khoảng hai tháng tiền phí nếu so với đóng phí theo từng tháng. Mức đóng phí theo tháng là 2.663.000 đồng/tháng. Trong trường hợp chị An chưa chuẩn bị kịp tài chính cho phương án đóng phí theo năm thì vẫn có thể tham gia ngay với mức đóng phí hai tháng đầu, chị có 21 ngày đọc hợp đồng và yêu cầu chỉnh sửa, nâng cấp hay bổ sung đối với gói sản phẩm. Trong thời gian này, chị An vẫn được hưởng các quyền lợi bảo vệ, trong khi có thêm thời gian chuẩn bị về tài chính và cân nhắc thay đổi các thiết kế của gói sản phẩm ban đầu.

Mặc dù được anh Tiến giải thích rất cặn kẽ, chị An vẫn băn khoăn không biết mua bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng này thì có lợi không, cụ thể là so với việc chị đang gửi tiền tiết kiệm dài hạn ở ngân hàng thì như thế nào. Gần đây, chị cũng được một người bạn khác giới thiệu mua chứng chỉ quỹ để đầu tư vào thị trường chứng khoán, nên chị băn khoăn thay vì để tiền vào hợp đồng bảo hiểm so với đầu tư trực tiếp thì phương án nào có lợi hơn. Chị nghĩ rằng mình phải đi hỏi thêm một người bạn có hiểu biết về tài chính trước khi quyết định mua bảo hiểm.

Phụ lục 1: Thông tin hợp đồng



MÓN QUÀ TƯƠNG LAI

Kiến tạo tài sản – An nhân tương lai

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy khai sinh	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Loại nghề nghiệp
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)	NGUYỄN THỊ AN		Nữ	01/01/1998	25	
Người Được Bảo Hiểm (NDBH)	NGUYỄN THỊ AN		Nữ	01/01/1998	25	

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người Được Bảo Hiểm	Tuổi	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Mức tham định	Số Tiền Bảo Hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm theo định kỳ hàng năm (đồng)
Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính						
Món Quà Tương Lai - Kế hoạch bảo hiểm cơ bản	NGUYỄN THỊ AN	25	74	Chuẩn	2.500.000.000	20.000.000
Sản Phẩm Bảo Hiểm Bỏ Trợ						
1 Sống Khỏe Mỗi Ngày (**) ▪ Quyền lợi điều trị nội trú - Vàng	NGUYỄN THỊ AN	25	20	Chuẩn		6.630.000
Tổng Phí Bảo Hiểm Định Kỳ						26.630.000



MÓN QUÀ TƯƠNG LAI

Kiến tạo tài sản – An nhân tương lai

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ

	Định kỳ đóng phí (đồng)			
	Năm	Nửa Năm	Quý	Tháng
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (a)	20.000.000	10.600.000	5.600.000	2.000.000
Phí Bảo Hiểm Bỏ Trợ (b)	6.630.000	3.514.000	1.856.000	663.000
Phí Bảo Hiểm Định Kỳ (c) = (a) + (b)	26.630.000	14.114.000	7.456.000	2.663.000
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (d)				
Tổng Phí Bảo Hiểm dự kiến theo kỳ (e) = (c) + (d)	26.630.000	14.114.000	7.456.000	2.663.000

Thời hạn đóng phí dự kiến: 20 năm

Tỷ lệ đầu tư vào các Quỹ	Bảo Toàn	Tích Lũy	Ổn Định	Cân Bằng	Phát Triển	Tăng Trưởng	Hưng Thịnh
Phần trăm %	0%	0%	0%	50%	0%	50%	0%

(**) Sản phẩm Bảo Hiểm Bỏ Trợ "Sống Khỏe Mỗi Ngày" được gia hạn hàng năm tùy theo quyết định của Công Ty nhưng tối đa 20 năm hoặc khi NDBH đạt 70 Tuổi hoặc khi kết thúc thời hạn đóng phí của sản phẩm chính, tùy thời điểm nào đến trước. Phí Bảo Hiểm được tính theo tuổi của NDBH tại thời điểm phát hành sản phẩm bỏ trợ này.

BMBH sẽ được hưởng ưu đãi hoàn phí bảo hiểm vào mỗi Ngày Kỳ Niệm Hợp Đồng nếu trong năm đó

a. Không phát sinh bất kỳ yêu cầu chi trả nào liên quan đến Sản Phẩm Bỏ Trợ này: hoàn 10% phí bảo hiểm đã đóng.

b. Mua cho 2,3 và từ 4 thành viên trở lên trong gia đình trong cùng Hợp Đồng: hoàn tương ứng 5%, 10% và 15% phí bảo hiểm đã đóng.

Khoản phí hoàn lại sẽ được sử dụng trong lần đóng phí kế tiếp hoặc chi trả vào giá trị tài khoản hợp đồng của khách hàng (nếu có).

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính bằng thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên khách hàng có thể lựa chọn thời hạn đóng phí dự kiến linh hoạt theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm của bản thân (tối thiểu 3 năm) và nên đóng phí đúng như dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
- Với thời hạn đóng phí dự kiến là 20 năm và tổng phí đóng hàng năm là 26.630.000 đồng, Hợp đồng, bao gồm Sản Phẩm Chính và các Sản Phẩm Bỏ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro (nếu có), sẽ mất hiệu lực tại năm thứ 43, tương ứng với tỷ suất đầu tư thấp, do GTTK Hợp Đồng không đủ để thanh toán Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.
- Sản Phẩm "Sống Khỏe Mỗi Ngày" có thời hạn đóng phí bằng với thời hạn bảo hiểm.



MÓN QUÀ TƯƠNG LAI
Kiến tạo tài sản – An nhàn tương lai

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

1. Quyền Lợi Thương Tật Do Tai Nạn (*) (**)	a. Quyền lợi Thương Tật Do Tai Nạn: lên đến 2.500.000.000 đồng, tùy thương tật b. Quyền lợi Tồn Thương Nội Tạng Do Tai Nạn: 150.000.000 đồng c. Quyền lợi Gãy Xương Do Tai Nạn: lên đến 2.500.000.000 đồng, tùy tình trạng gãy xương d. Quyền lợi Bỏng Nghiêm Trọng Do Tai Nạn: lên đến 2.500.000.000 đồng, tùy tình trạng bỏng Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn chấm dứt khi NĐBH đạt 70 Tuổi.
2. Quyền Lợi Từ Vong (*) (**)	a. Quyền lợi Từ Vong: Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số lớn hơn (giá trị Tài Khoản Cơ Bản + Số Tiền Bảo Hiểm) + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao: giá trị Tài Khoản Cơ Bản + Số Tiền Bảo Hiểm + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm b. Quyền lợi Từ vong do Tai Nạn: Trước khi NĐBH đạt 70 Tuổi, Manulife sẽ chi trả thêm 2.500.000.000 đồng khi NĐBH Từ Vong do Tai Nạn. Quyền lợi bảo hiểm Từ Vong do Tai Nạn sẽ khấu trừ đi Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn đã chi trả trước đó. Vui lòng tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.
3. Quyền lợi chu toàn hậu sự (*)	Manulife sẽ chi trả trước 30.000.000 đồng khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi Từ vong
4. Quyền lợi duy trì Hợp Đồng (nếu thỏa điều kiện quy định tại điều khoản sản phẩm) (**)	a. QL duy trì Hợp Đồng định kỳ: 3,0% giá trị Tài Khoản Cơ Bản trung bình của 3 năm gần nhất. Quyền lợi được tính vào cuối các Năm Hợp Đồng 3, 6, 9, 12, 15, 18; và cộng vào giá trị Tài Khoản Cơ Bản. b. QL duy trì Hợp Đồng đặc biệt: Manulife chi trả quyền lợi duy trì Hợp Đồng đặc biệt vào Tài Khoản Đóng Thêm tại các thời điểm sau: Cuối năm thứ 10: 88% tổng phí Bảo Hiểm Rủi Ro của Sản Phẩm Chính trong 10 năm Hợp Đồng đầu tiên. Cuối năm thứ 15: 88% tổng phí Bảo Hiểm Rủi Ro của Sản Phẩm Chính từ năm Hợp Đồng thứ 11 đến năm Hợp Đồng thứ 15. Cuối năm thứ 20: 88% tổng phí Bảo Hiểm Rủi Ro của Sản Phẩm Chính từ năm Hợp Đồng thứ 16 đến năm Hợp Đồng thứ 20.



MÓN QUÀ TƯƠNG LAI
Kiến tạo tài sản – An nhàn tương lai

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ TRỢ

Quyền Lợi Bảo Hiểm Bổ Trợ	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
1. Sống Khỏe Mỗi Ngày	- Khi Người Được Bảo Hiểm điều trị nội trú - Khi Người Được Bảo Hiểm điều trị ngoại trú - Khi Người Được Bảo Hiểm điều trị nha khoa	Manulife sẽ chi trả các chi phí y tế thực tế Cần Thiết Về Mặt Y Khoa và không vượt quá các chi tiết tại Bảng Chi Tiết Quyền Lợi Bảo Hiểm của - Quyền lợi điều trị nội trú - Quyền lợi điều trị ngoại trú (nếu có) - Quyền lợi nha khoa (nếu có)

(*) Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm dưới 4 Tuổi, Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.

(**) Tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.

Quyền lợi Bảo hiểm bổ trợ sẽ áp dụng tương ứng với từng Người Được Bảo Hiểm của (các) sản phẩm này. Vui lòng xem lại mục Thông Tin Hợp Đồng Bảo Hiểm để biết thêm chi tiết.

Phụ lục 2: Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm



MINH HẠ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
KẾ HOẠCH BẢO HIỂM CƠ BẢN

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ / Tuổi	Phí Bảo Hiểm (*)	Mức tỷ suất đầu tư thấp						Mức tỷ suất đầu tư cao						Rút tài khoản
		Tổng QL Bảo vệ	QL duy trì HĐ	GTTK Cơ Bản	GTTK Đóng Thêm	GTTK Hợp Đồng	Giá trị hoàn lại	Tổng QL Bảo vệ	QL duy trì HĐ	GTTK Cơ Bản	GTTK Đóng Thêm	GTTK Hợp Đồng	Giá trị hoàn lại	
1/26	20.000	5.000.000		3.056		3.056		5.000.000		3.242		3.242		
2/27	20.000	5.000.000		1.626		1.626		5.000.000		2.111		2.111		
3/28	20.000	5.000.000	218	11.478		11.478		5.000.000	233	12.892		12.892		
4/29	20.000	5.000.000		25.262		25.262	16.262	5.000.000		28.522		28.522	19.522	
5/30	20.000	5.000.000		39.196		39.196	33.196	5.000.000		45.306		45.306	39.306	
6/31	20.000	5.000.000	1.261	54.521		54.521	51.521	5.000.000	1.416	64.730		64.730	61.730	
7/32	20.000	5.000.000		68.744		68.744	68.744	5.000.000		84.181		84.181	84.181	
8/33	20.000	5.000.000		83.107		83.107	83.107	5.000.000		105.082		105.082	105.082	
9/34	20.000	5.000.000	2.572	100.136		100.136	100.136	5.000.000	3.155	130.658		130.658	130.658	
10/35	20.000	5.050.474	50.474	114.747	50.474	165.221	165.221	5.050.332	50.332	154.992	50.332	205.324	205.324	
11/36	20.000	5.051.408		129.430	51.408	180.838	180.838	5.054.384		181.105	54.384	235.489	235.489	
12/37	20.000	5.052.361	3.957	148.085	52.361	200.446	200.446	5.058.764	5.366	214.454	58.764	273.218	273.218	
13/38	20.000	5.053.333		162.835	53.333	216.168	216.168	5.063.499		244.867	63.499	308.366	308.366	
14/39	20.000	5.054.324		177.494	54.324	231.818	231.818	5.068.618		277.408	68.618	346.026	346.026	
15/40	20.000	5.088.926	38.988	197.414	88.926	286.340	286.340	5.107.064	41.081	320.390	107.064	427.454	427.454	
16/41	20.000	5.090.579		211.873	90.579	302.452	302.452	5.115.697		358.314	115.697	474.011	474.011	
17/42	20.000	5.092.266		226.137	92.266	318.403	318.403	5.125.031		398.928	125.031	523.959	523.959	
18/43	20.000	5.093.987	6.861	247.046	93.987	341.033	341.033	5.135.123	11.708	454.164	135.123	589.287	589.287	
19/44	20.000	5.095.743		261.053	95.743	356.796	356.796	5.146.034		501.878	146.034	647.912	647.912	
20/45	20.000	5.140.256	42.722	274.832	140.256	415.088	415.088	5.197.979	40.147	553.133	197.979	751.112	751.112	

HD: Hợp đồng, BH: Bảo hiểm, QL: Quyền lợi, GTTK: Giá trị tài khoản, (*) Phí Bảo Hiểm: Phí BH cơ bản, đóng thêm và BH bổ trợ khấu trừ phí BH rủi ro (nhóm A)

Phụ lục 3: Lãi suất tiết kiệm tiền VND Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Kỳ hạn (tháng)	Tiền gửi có kỳ hạn (%/năm)	Tiền gửi trực tuyến (%/năm)
1	4,9	6,0
2	4,9	
3	5,4	6,0
6	5,8	6,5
9	5,8	6,5
12	7,2	7,4
18	7,2	7,2
24	7,2	7,2
36	7,2	
48	7,2	
60	7,2	

Nguồn: Lãi suất được tính trên số ngày thực tế và cơ sở tính lãi là 365 ngày; Website của Vietcombank; <https://portal.vietcombank.com.vn/LS/Pages/lai-suat.aspx?devicechannel=default> truy cập ngày 23/03/2022